

Số : Q326D046362

Ngày: 04/06/2026

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

1. Phiếu yêu cầu & nhận : Q326D046362

Ngày: 23/04/2026

Thẩm định/ Giám định

2. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp

3. Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Nội dung yêu cầu : Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng nước sinh hoạt

5. Địa điểm thực hiện : Nhà máy xử lý nước cấp của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Thời gian thực hiện : Từ 22/05/2026

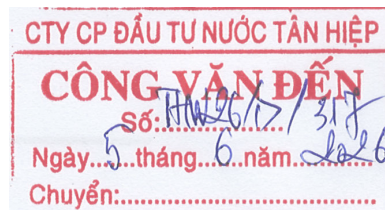
7. Thiết bị sử dụng :

- Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
- Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA.

8. Quy trình thực hiện : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01

9. Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

10. Kết quả giám định : Xem kết quả chi tiết tại Phụ lục đính kèm



Ghi chú: Không được trích/ sao một phần Chứng thư giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

KT. GIÁM ĐỐC
BỘ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046362 ngày 04/06/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

10.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và thông số thử nghiệm theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Thông số thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ - Phòng thí nghiệm	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



10.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,5	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,9	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5,0	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 1,5 ⁽²⁾	2
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046362 ngày 04/06/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú - ⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.

- ⁽²⁾ ... Giới hạn định lượng của phương pháp thử.

- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.

- Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

+ Thông số **không đạt** : -

+ Thông số **đạt** : tất cả các thông số

Số : Q326D046361

Ngày: 27/05/2026

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

1. Phiếu yêu cầu & nhận : Q326D046361

Ngày: 23/04/2026

Thẩm định/ Giám định

2. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
3. Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Nội dung yêu cầu : Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng nước sinh hoạt
5. Địa điểm thực hiện : Nhà máy xử lý nước cấp của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Thời gian thực hiện : Từ 18/05/2026
7. Thiết bị sử dụng :
- Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
 - Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA.
8. Quy trình thực hiện : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01
9. Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
10. Kết quả giám định : Xem kết quả chi tiết tại Phụ lục đính kèm



Ghi chú: Không được trích/ sao một phần Chứng thư giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Khánh Toàn

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046361 ngày 27/05/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

10.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và thông số thử nghiệm theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Thông số thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ - Phòng thí nghiệm	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



10.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,7	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,9	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5,0	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	1,9	2
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046361 ngày 27/05/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú - ⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.
- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
- Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
 - + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-

Số : Q326D046359

Ngày: 20/05/2026

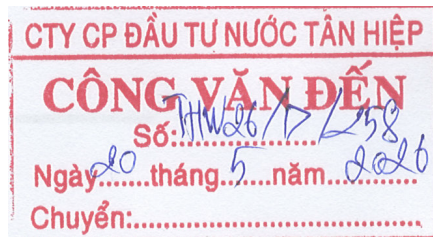
CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

1. Phiếu yêu cầu & nhận : Q326D046359

Ngày: 23/04/2026

Thẩm định/ Giám định

2. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
3. Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Nội dung yêu cầu : Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng nước sinh hoạt
5. Địa điểm thực hiện : Nhà máy xử lý nước cấp của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Thời gian thực hiện : Từ 11/05/2026
7. Thiết bị sử dụng :
- Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
 - Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA.
8. Quy trình thực hiện : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01
9. Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
10. Kết quả giám định : Xem kết quả chi tiết tại Phụ lục đính kèm



Ghi chú: Không được trích/ sao một phần Chứng thư giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046359 ngày 20/05/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

10.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và thông số thử nghiệm theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Thông số thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ - Phòng thí nghiệm	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



10.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,5	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,9	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5,0	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 1,0	2
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046359 ngày 20/05/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú - ⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.
- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
- Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
 - + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-

Số : Q326D046357

Ngày: 15/05/2026

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

1. Phiếu yêu cầu & nhận : Q326D046357

Ngày: 23/04/2026

Thẩm định/ Giám định

2. Đơn vị yêu cầu

: Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp

3. Địa chỉ

: Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Nội dung yêu cầu

: Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng nước sinh hoạt

5. Địa điểm thực hiện

: Nhà máy xử lý nước cấp của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Thời gian thực hiện

: Từ 04/05/2026

7. Thiết bị sử dụng

:

- Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
- Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA.

8. Quy trình thực hiện

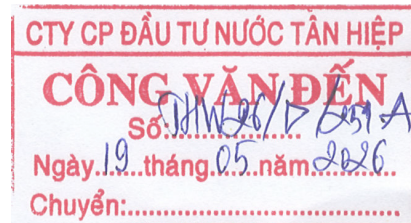
: QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01

9. Căn cứ áp dụng/ đánh giá

: QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

10. Kết quả giám định

: Xem kết quả chi tiết tại Phụ lục đính kèm



Ghi chú: Không được trích/ sao một phần Chứng thư giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Khánh Toàn

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046357 ngày 15/05/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

10.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và thông số thử nghiệm theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Thông số thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ - Phòng thí nghiệm	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



10.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,5	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,9	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5,0	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 1,0	2
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chứng thư giám định số Q326D046357 ngày 15/05/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3)

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú - ⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.
- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
- Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
 - + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-